TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 03 - 2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Chánh

2/ Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Uyên San – Thư ký Tòa án khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 496/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh ngày 10/5/1993;
Địa chỉ: Tổ E, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 15/10/1989;
Địa chỉ liên hệ: Tổ E, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

(Bà T, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã N, Nghệ An) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01/2013 ngày 21/10/2013. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau ông bà bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xung đột và không còn tôn trọng lẫn nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 22/11/2013 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 24/9/2019. Sau khi ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời, bà không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn H đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T. Về con chung là cháu Nguyễn Gia B và cháu Nguyễn Khánh L, đề nghị Tòa án giao các con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Do ông H không có lời khai nên đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Do bà bận nhiều việc không có thời gian để tham gia phiên tòa. Đề nghị Tòa án cho bà vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**: Bà Trương Thị T khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H hiện đang thực tế sinh sống tại: Tổ E, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) theo phiếu xác nhận thông tin cư trú ngày 10/12/2025 của Công an phường trảng D, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

[2] **Về thủ tục tố tụng**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho ông H đầy đủ, tuy nhiên ông H vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về quan hệ hôn nhân**: Bà T và ông H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã N, Nghệ An) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01/2013 ngày 21/10/2013. Căn cứ vào Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H có xảy ra hay không thì địa phương không nắm rõ do bà T và ông H không trình báo và cũng không liên hệ để giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Toà để làm việc, dự phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai vợ chồng ông bà có điều kiện gặp gỡ thỏa thuận, đoàn tụ nhưng ông H không đến. Điều này chứng tỏ bà T và ông H không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H.

[4] **Về con chung**: Bà T và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 22/11/2013 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 24/09/2019. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, cháu B cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Đối với ông H, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông H không đến Tòa làm việc và cũng không có bản tường trình về yêu cầu giải quyết con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu Nguyễn Gia B và cháu Nguyễn Khánh L cho bà Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung**: Theo bà T trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Tuy nhiên, do ông H vắng mặt tại phiên tòa và không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[6] **Về án phí**: Bà Trương Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 9 pvà Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84, Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của nguyên đơn bà Trương Thị T. Bà Trương Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 22/11/2013 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 24/09/2019 bà Trường Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của ông Nguyễn Văn H.

Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trương Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003516 ngày 15/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp xong án phí.

5. Bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 - Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải